

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2022/DS-PT

Ngày: 31/5/2022

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc— Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 243/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4437/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Đào Duy Kh, sinh năm 1942 (tên gọi khác: Đ Đức H); địa chỉ: Đội 7, khu MB, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 32, tổ 15A, khu 6 (nay là khu 5), phường VC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

*** Bị đơn:** Ông Lê Văn Nh, sinh năm 1932; địa chỉ: Đội 6, khu HP, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ (đã chết ngày 19/11/2015);

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh:

1. Bà Đ Thị Kim M, sinh năm 1942; vắng mặt;
2. Ông Lê Quang V, sinh năm 1962; có mặt;
3. Ông Lê Anh Đ, sinh năm 1971; có mặt;

4. Bà Lê Thị H, sinh năm 1973; vắng mặt;

Địa chỉ: SN 273 phố TS, phường TC, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

5. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 22 khu 3 phường DL, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

6. Bà Lê Thị Bích M1, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ dân phố Z175, Xuân S2, S2 Tây, Hà Nội; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, ông Đ, bà H, bà T1, bà M1:
Ông Lê Quang V, sinh năm 1962; địa chỉ: Đội 6 khu HP, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Hữu L - Công ty Luật hợp danh Hùng Vương Phú Thọ thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Thọ; có mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Hồ VL, sinh năm 1951; có mặt;

2. Ông Nguyễn MK, sinh năm 1945; có mặt;

3. Ông Nguyễn Xuân T2, sinh năm 1957; có mặt;

4. Ông Hồ Văn S2, sinh năm 1955; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

5. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1945; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Đều có địa chỉ: Đội 6, khu HP, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

6. Ông Phạm Ngọc G, sinh năm 1938 (đã chết);

7. Ông Đ Văn T, sinh năm 1953; có mặt;

Đều có địa chỉ: Đội 7, khu MB, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

8. Ông Nguyễn M H, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu Hồng Hải, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

9. Ông Nguyễn Văn Th4, sinh năm 1957; địa chỉ: Đội 5, khu HP, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nội dung yêu cầu của ông Kh (H) thể hiện trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, biên bản hòa giải như sau:

Nguồn gốc thửa đất của ông hiện nay là do ông được thừa kế từ ông nội là cụ Đ Lương Y năm 1954. Đất là loại đất thổ cư bậc thang nên gồm hai thửa

số 31 và thửa số 32 theo tờ bản đồ năm 1959, diện tích là 2.735m². Năm 1972, ông Phạm Văn T5 là đội trưởng hợp tác xã xóm MB ép bố ông là cụ Đ Văn Ý phải giao cho ông Lê Văn Tuý xấp xỉ 2/3 diện tích đất của thửa số 31 để ông Tuý làm nhà ở với diện tích là 715m². Do vậy, từ năm 1972 gia đình ông chỉ còn diện tích thửa số 32 và hơn 1/3 diện tích thửa số 31 với diện tích là 2.021,25m². Những văn bản của Nhà nước xác định diện tích đất này của gia đình ông gồm: Bản đồ năm 1959; Biên lai đóng thuế nhà đất; Hồ sơ gốc và bản đồ năm 1997; Thông báo số 30/TB-UB ngày 06/6/1999 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố VT; Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phú; Văn bản số 1434/HC ngày 06/6/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ; Văn bản số 2100/BC-TTLN ngày 08/10/2010 của Đoàn thanh tra liên ngành tỉnh Phú Thọ; Thông báo số 30/TB-UBND ngày 28/3/2010 của UBND tỉnh Phú Thọ và Thanh tra Chính phủ. Ông Kh cho rằng theo bản đồ năm 1959 diện tích đất hai thửa 31 và thửa 32 là 2.735,25m², đến năm 1972 chỉ còn 2.021,25m², đến bản đồ năm 1997 chỉ còn 1.730m², nguyên nhân là do ông Nh lấn chiếm của gia đình ông 199,79m² dẫn đến việc thiếu hụt đất như trên. Tại Văn bản số 2010/BC-TTLN ngày 08/10/2010 đã kết luận rõ: “Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 06/8/1984 của UBND thành phố VT cấp cho hộ ông Nh 250m² trong đó ghi rõ: Phía Đông giáp nhà trẻ Hoà Phong (nay giáp hộ gia đình ông Hiên) dài 19m; phía Tây giáp hộ ông H dài 19m; phía Bắc giáp đường đi vào xóm dài 13m; phía Nam giáp nhà ông S2 dài 13m. Như vậy, khẳng định hộ gia đình ông Nh đã lấn chiếm đất của hộ gia đình ông H; ranh giới giữa đất hộ gia đình ông Nh và hộ gia đình ông H không có đất công...”. Tại Thông báo số 30/TB-UBND ngày 28/3/2013 của UBND tỉnh Phú Thọ cũng đã kết luận rõ diện tích đất thửa gia đình ông Nh đang sử dụng phải thu hồi trả lại cho gia đình ông H... Yêu cầu: Buộc gia đình ông Nh phải trả lại gia đình ông 199,79m² đất đã lấn chiếm; buộc gia đình ông Nh phải tháo dỡ các công trình đã xây trên đất để trả lại đất. Ông Nh chỉ được cấp 250m² nhưng thực tế sử dụng nhiều hơn là sử dụng vào phần đất của gia đình ông. Tổng diện tích đất của gia đình ông theo bản đồ năm 1959 phải hơn 2.000m²; ông yêu cầu gia đình ông Nh ngoài phần đất 250m² được cấp, diện tích thừa phải trả lại cho gia đình ông theo Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của UBND tỉnh Vĩnh Phú và đơn xin đổi 07 thước đất từ Thông Đâu về đây của ông.

Sau khi vụ án bị hủy theo trình tự giám đốc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý lại vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh thay đổi nội dung khởi kiện vì ông cho rằng diện tích thửa đất gia đình ông Nh được cấp ở Đồi Rôm chứ không phải ở Đồi Ngược, gia đình ông Nh chỉ mua lại tài sản trên đất chứ không mua đất. Do đó, ông Kh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia

đình ông Nh trả lại toàn bộ diện tích đất 382,5m² và phải tự tháo dỡ các tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho gia đình ông.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Xuân Th đồng ý với quan điểm của ông Kh; đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

Nội dung lời khai của ông Nh và của anh Lê Quang V đại diện cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nh thể hiện: Ngày 16/8/1984, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND cấp cho gia đình ông 250m² đất thổ cư, được UBND xã MN giao đất ngày 30/01/1984 vị trí cụ thể: Phía Đông giáp nhà trẻ HP; phía Tây giáp nhà ông H; phía Bắc giáp đường đi vào xóm; phía Nam giáp nhà ông Hậu. Thửa đất có chiều dài là 19m, chiều rộng là 13m, diện tích 250m² tại Đội 6, đồi Rôm, khu HPhong, xã MN, VT. Khi cắm đất địa chính xã có trừ đi 03m dọc đường cái xóm để làm giao thông xanh sau này và do các cạnh không đều nhau nên còn để lại đất thừa có hình tam giác mặt đường cái đi vào xóm có diện tích trên 50m². Trên diện tích đất gia đình ông được cắm có ba gian nhà kho cấp 4 lợp ngói của Công ty ăn uống xây từ năm 1964 để làm nhà ở sơ tán thời chiến tranh phá hoại của Mỹ. Đến năm 1975, Công ty rút về thành phố trả lại đất cho cho xã MN quản lý; gia đình ông đã mua lại 3 gian nhà này của ông bà Xuân Thái bằng việc đổi vật liệu gạch, ngói, gỗ để giữ nguyên 3 gian nhà này sử dụng làm nhà ở. Khi giao đất giáp ranh với đất của ông Kh (tức H) còn thừa ít đất có hình tam giác chạy dọc theo vườn nhà ông Kh ra đường cái xóm có diện tích khoảng 80m² không đủ giao cho hộ khác nên xã giao cho gia đình ông quản lý từ năm 1984 đến năm 1994 mới thay đổi. Sau khi được cấp đất gia đình ông đã xây một ngôi nhà cấp 4 để ở, vì không có cổng đi (vì nhà làm hướng Đông Nam, đường làng lại ở hướng Tây Bắc) và phía giáp nhà trẻ HP còn lại diện tích đất bỏ trống ông đã đề nghị và được xã đồng ý cho gia đình ông sử dụng làm đường đi từ năm 1984. Đến năm 1992, nhà trẻ dời đi nơi khác, địa phương giao lại đất của nhà trẻ cho ông Hiên sử dụng. Gia đình ông tiếp tục được Ban kiến thiết xã MN cho giữ nguyên lối cổng đi rộng 3m, dài ra đường cái là 21m = 66m² và được ông Hiên đồng ý, UBND xã chấp nhận cho nên diện tích đất của gia đình ông có tăng lên so với quyết định cấp đất là do như vậy.

Năm 1990, ông Kh đã khiếu kiện lên UBND thành phố VT; ngày 20/7/1990, đoàn kiểm tra của thành phố về kiểm tra kết luận đất của gia đình ông Kh thừa 348m², đất của gia đình ông thừa 128m². Ngày 17/4/1994, đoàn thanh tra thành phố tiếp tục về kiểm tra và giải quyết xác định giữa đất của gia đình ông và đất của ông Kh thực tế còn khoảng 80m² hình tam giác và đã cùng chính quyền xã MN phân định ranh giới, cụ thể: Tính từ sau tường nhà của gia

đình ông rộng ra 60cm trở về nhà trẻ HP do gia đình ông sử dụng;tính từ tường nhà cấp 4 trở ra 60cm trở về vườn ông Kh thì thuộc về ông Kh sử dụng;tam giác 80m² giao cho ông Kh sử dụng.Tuy không đồng ý với cách giải quyết trên nhưng ông không phản đối vì để cho yên chuyện, giữ T2 làng nghĩa xóm; từ đó, hai bên đã cùng nhau xây dựng tường rào bằng gạch xi ốn định từ năm 1994 không có tranh chấp gì.

Như vậy, từ năm 1994 ranh giới đất giữa ông và ông Kh đã rõ ràng nhưng năm 1995 dựa vào văn bản của Sở Địa chính tỉnh, UBND tỉnh Vĩnh Phú (cũ) lại ban hành Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 xác định 199,79m² đất thừa gia đình ông đang sử dụng thuộc thổ cư hợp pháp của gia đình ông Kh và yêu cầu thu hồi lại trả cho gia đình ông Kh. Từ quyết định không đúng trên dẫn đến các kết luận không có căn cứ của Đoàn công tác liên ngành tỉnh Vĩnh Phú, Thanh tra Chính phủ... mặc dù UBND thành phố VT, UBND xã MN đã có nhiều báo cáo về việc không thể thi hành được Quyết định số 177/QĐ-UB vì không đúng thực tế. Ông xác định nguồn gốc đất gia đình ông được cấp năm 1984 là đất của cụ Đ Văn Đậu đã nhập vào Hợp tác xã nông nghiệp MN năm 1960 do HTX xã MN quản lý, không phải đất của gia đình ông Kh. Đất thừa của gia đình ông là phần diện tích đất của nhà trẻ HP cắt cho gia đình ông một lối đi 66m² và phần diện tích đất thừa khi cắm đất địa chính có trừ 3m dọc đường đi của xóm mở rộng làm đường giao thông sau này đổ đường bê tông không hết nên gia đình ông rào ra làm sân vườn. Như vậy, ngoài 250m² đất theo quyết định năm 1984 thì diện tích đất thừa của gia đình ông có nguồn gốc như trên, không phải gia đình ông lấn chiếm đất của gia đình ông Kh; ranh giới giữa hai gia đình đã ổn định từ năm 1994 đến nay; gia đình ông Kh còn tự tay trồng hàng nhãn để phân định ranh giới; chính gia đình ông Kh còn có đơn xin đổi đất từ nơi khác về đây thì rõ ràng rằng đất không phải là đất của ông cha như ông Kh trình bày; đất là của cụ Đậu nhưng đã đưa vào HTX nông nghiệp do nhà nước quản lý. Và tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HC-ST ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định huỷ Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Phú về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Đ Đức H (ông Kh). Cụ thể về diện tích thu hồi 199,79m² đất ở mà ông Nh đã sử dụng thừa thuộc thổ cư hợp pháp của ông H được nêu tại khoản 1 Điều I và Điều II của Quyết định; Bản án không có kháng cáo, kháng nghị, án đã có hiệu lực pháp luật. Kết luận của Thanh tra thành phố năm 1990 không đúng thực tế; Quyết định số 177/QĐ-UB của UBND tỉnh Vĩnh Phú (cũ) cũng không đúng;ông Kh dựa vào quyết định trên để đòi đất của ông là không có cơ sở. Ông Kh còn cho rằng năm 1983 đã được xã cho đổi 07 thước đất từ Thông Đậu về đây là không đúng vì chỉ mới có bút phê của ông Chủ tịch xã và chưa ai cấm cho ông Kh ở

đây; 18 thước đất ở Thông Đậu ông Kh vẫn sử dụng cho đến nay. Vì vậy, ông Kh cũng không thể dựa vào việc xin đổi đất này để đòi đất của ông được.

Căn cứ vào quyết định giao đất của UBND thành phố VT, gia đình ông Nh được cấp 250m² đất; trong quyết định là Đồi Rôm nhưng thực tế là ở khu Đồi Ngược vì có tứ cận ghi rõ Đông, Tây, Nam, Bắc giáp hộ nào. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình ông có lấn chiếm và sử dụng diện tích đất của hành lang giao thông và phía giáp nhà ông Hiên (nay ông T2 đang quản lý, sử dụng) vì phía đất giáp nhà ông T2 là đất công của nhà trẻ HP cũ dỡ đi. Mốc giới, ranh giới giữa đất gia đình ông được cấp với ranh giới, mốc giới gia đình ông Kh từ trước đến nay không có tranh chấp gì và giữ nguyên như hiện trạng. Ông Kh yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông phải trả lại 382,5m² đất, gia đình ông không đồng ý.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông Nh và những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Nh trình bày: Việc ông Kh đòi đất không có căn cứ bởi lẽ: 07 thước đất đòi theo đơn của ông Kh từ năm 1983 có vị trí tại đất của ông Nh đang sử dụng hiện nay, 07 thước đất đòi này mới chỉ có bút phê, chưa được đổi về đây và nếu là đất của ông Kh như ông Kh trình bày thì việc gì ông Kh phải làm đơn để xin được đổi đất từ Thông Đậu về đây?. Đây chính là đất của cụ Đậu đã được nhập vào hợp tác xã, thời chiến tranh Công ty ăn uống đã sơ tán về đây làm nhà ở, sau này rút đi thì vợ chồng ông bà Thái sử dụng ngôi nhà cấp 4 còn lại sau này đổi vật liệu cho ông Nh. Nội dung Kết luận năm 1990 của Thanh Tra thành phố VT mâu thuẫn và không đúng thực tế. Quyết định số 177/QĐ-UB của UBND tỉnh Vĩnh Phú (cũ) không đúng bởi lẽ: Ranh giới giữa đất của ông Kh, ông Nh đã được Thanh tra thành phố phân định từ năm 1994 không có tranh chấp nữa; nhưng Sở Địa chính tỉnh lại ra văn bản tham mưu với UBND tỉnh ban hành Quyết định số 177/QĐ-UB để buộc ông Nh phải trả lại 199,79m² đất cho ông Kh từ đó phát sinh tranh chấp. Quá trình thực hiện quyết định chính quyền xã MN không thực hiện được do quyết định không đúng, Chính quyền địa phương đã có văn bản báo cáo xác định rõ là không phải đất của ông Kh. Năm 2004 và năm 2009, chính quyền thành phố VT đã hai lần có công văn báo cáo xác định không phải đất của ông Kh đề nghị giữ nguyên hiện trạng, hợp thức đất cho ông Nh. Mặt khác, Quyết định số 177/QĐ-UB đã bị huỷ bởi Bản án số 03/2013/HC-ST ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nên ông Kh không thể dựa vào quyết định này và Đơn đòi 07 thước đất mới có bút phê để đòi đất được. Nay ông Kh lại thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi gia đình ông Nh trả lại toàn bộ diện tích đất đang sử dụng là 382,5m² và tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho gia

đình ông Kh là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Kh.

Lời khai của những người làm chứng gồm:

- Ông Nguyễn Văn T2, nguyên Phó trưởng công an xã MN đã có đơn đề nghị ngày 10/6/2021 và lời khai tại phiên tòa: Thể hiện ông được giao nhiệm vụ đi cắm mốc giới, giao đất cho nhà ông Lê Văn Nh. Mốc giới cắm vào thời điểm đó vẫn đúng như hiện trạng. Lúc đó trên đất có 01 ngôi nhà xây 3 gian của ông bà Xuân Thái; ngôi nhà xây 3 tầng hiện nay của nhà ông Nh nằm đúng vị trí trên nền móng của ngôi nhà xây 3 gian của ông bà Xuân Thái. Diện tích đất phía giáp đường xóm khi giao đất là hàng xí hổ rậm rạp khi giao mốc giới lấy mốc từ nhà ông Hậu kéo lên phía đường xóm là 19m, chiều rộng lấy mốc giới từ nhà ông Kh kéo về phía nhà trẻ HP là 13m, phía giáp nhà trẻ HP còn thừa một khoảng sau này ông Nh xin làm cổng đi xuống nhà khoảng hơn 2m chạy dài từ đường xóm đến giáp đất nhà ông Hậu.

- Ông Hồ Văn S2 là hàng xóm có lời khai: Đất nhà ông Nh vốn là đất ngày xưa có nhà của cán bộ Công ty ăn uống. Sau khi Công ty ăn uống đi thì UBND xã MN giao cho ông Nh tiếp quản; cụ thể diện tích như thế nào thì ông không rõ. Ranh giới giữa đất nhà ông và đất nhà ông Nh là tường xây bằng gạch do nhà ông xây, hai bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì.

- Ông Hồ VL, nguyên Chủ tịch UBND xã MN từ năm 1983-1990 trình bày: Nguồn gốc thửa đất ông Nh đang sử dụng hiện nay do Hợp tác xã quản lý từ năm 1960. Đến năm 1964, khu kháng sinh và công ty ăn uống sơ tán lên đó mượn đất của gia đình cụ Đậu để sử dụng, còn một phần để người dân trồng sắn. Công ty ăn uống có xây dựng một nhà ăn trên đất, sau đó gia đình ông Nh đã mua lại vật liệu nhà ăn. Năm 1984, ông Nh được cấp đất; khi UBND xã giao mốc giới đất cho gia đình ông Nh có cử một đoàn cán bộ của Hội đồng quản lý đất đai xã MN gồm: ông Đ Văn Lượng là cán bộ địa chính, ông Nguyễn Văn Thụy là Phó Công an xã và ông Phan Văn Bao là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã. Mốc giới, ranh giới giữa đất nhà ông Kh và ông Nh thời điểm đó là hàng bồ kết; sau khi, UBND xã giải quyết tranh chấp giữa hai gia đình vào năm 1993, 1994 thì nhà ông Nh đã xây tường rào kéo thẳng từ nhà ông S2 xuyên ra đường; ranh giới từ đó đến nay không thay đổi. Diện tích đất thừa của gia đình ông Nh hiện nay là về phía nhà trẻ và phía giáp đường xóm chứ không phải phía giáp nhà ông Kh.

Năm 1991, gia đình ông Hiên (nay là ông T2 con ông Hiên quản lý, sử dụng) làm cho xóm một nhà văn hóa, đổi lại xã cấp cho gia đình ông Hiên phần diện tích đất tại vị trí nhà trẻ HP cũ, diện tích cụ thể ông không rõ. Khoảng năm 1982, UBND xã cắm đất cho ông Hùng (anh trai ông S2) diện

tích đất mà hiện nay ông S2 đang quản lý, sử dụng. Ranh giới, mốc giới giữa đất nhà ông Nh và ông S2, giữa nhà ông Kh và nhà ông S2 được xác định bằng tường rào xây gạch do nhà ông S2 xây; các bên sử dụng ổn định không có tranh chấp gì với nhà ông S2.

- Ông Nguyễn M Khang, nguyên Chủ nhiệm Hợp tác xã nông nghiệp từ 1978-1986 trình bày: Ông nhất trí với lời khai của ông Lập và bổ sung thêm nội dung: Phần ranh giới giữa đất nhà ông Kh, ông Nh, ông S2 là điểm tiếp giáp giữa 3 nhà, là góc chết. Toàn bộ khu đất của gia đình ông Nh, ông Hiên, ông Hùng (anh ông S2) và một số hộ được cấp từ năm 1982 trở về sau là đất do Hợp tác xã quản lý từ năm 1960 cho đến khi cấp cho từng hộ, không phải là đất của ông Kh. Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của gia đình cụ Đậu.

- Ông Nguyễn M H, nguyên ủy viên xã MN từ tháng 11/1981 đến tháng 6/1984 trình bày: Ông hoàn toàn nhất trí với lời khai của ông Lập, ông Khang và ông Thụy, ông không bổ sung gì thêm.

- Ông Nguyễn Xuân T2 là con của ông Nguyễn Văn Hiên (đã chết năm 2007) trình bày: Nguồn gốc đất mà hiện nay gia đình ông đang sử dụng là do UBND xã cấp cho sau khi làm cho khu một nhà văn hóa, tổng diện tích là 354m². Năm 1991, sau khi được cấp đất, bố ông là ông Hiên đã cắt cho nhà ông Nh khoảng 8m² để làm cổng rộng ra; diện tích hiện nay của nhà ông còn là 346m². Từ thời điểm đó, hai gia đình đã xác định mốc giới, ranh giới rõ ràng và sử dụng ổn định, không có tranh chấp gì.

- Bà Nguyễn Thị T3 có lời khai thể hiện: Nguồn gốc thửa đất hiện nay ông Nh đang sử dụng có nguồn gốc từ xưa là của cụ Đ Văn Đậu. Ranh giới giữa hai nhà ông Đậu, ông Kh là hàng rào bồ kết; bà không nhớ rõ là năm nào thì có Nhà máy kháng sinh và Công ty ăn uống sử dụng thửa đất đó. Sau khi Công ty ăn uống dời đi thì Nhà nước cấm đất cho ông Nh và một số hộ khác; hàng cây bồ kết hiện nay không còn mà ranh giới giữa nhà ông Kh và ông Nh là bức tường gạch được xây khi nào và ai xây thì bà không rõ.

- Ông Phan Ngọc G, nguyên thành viên Hợp tác xã nông nghiệp xã MN trình bày: Thửa đất hiện nay gia đình ông Nh đang sử dụng là của gia đình cụ Đ Văn Đậu, bố đẻ ông Ty; ranh giới giữa nhà ông Đậu và ông Kh là lũy tre và hàng bồ kết; 03 cây bồ kết nhà ông Đậu hiện nay nằm trên đất nhà ông Kh kéo về phía nhà ông Nh, từ hàng cây về phía nhà ông Nh đã có tường rào bằng gạch do nhà ông Nh xây. Năm 1964, Nhà máy kháng sinh VT có mượn đất nhà ông Đậu, đến cuối năm 1965 thì Công ty ăn uống vào tiếp quản. Khoảng năm 1984, 1985 ông thấy UBND xã cùng một số cán bộ xuống cấm mốc giới để cấp đất cho ông Nh. Lúc đó ranh giới đất của ông Kh và ông Nh là một tam

giác diện tích khoảng 80m², chiều phía mặt đường là khoảng 6-7m;lúc đầu phần diện tích hình tam giác giao cho ông Nh, nhưng sau đó hai gia đình tranh chấp nên xã giải quyết giao lại cho ông Kh. Ranh giới, mốc giới giữa 2 thửa đất hiện nay vẫn đúng như thời điểm xã giải quyết xong tranh chấp;việc ông Kh cho rằng nguồn gốc đất cấp cho ông Nh là của bố mẹ ông Kh là không đúng sự thật.

- Ông Đ Văn Tỵ là con trai cụ Đ Văn Đậu trình bày: Nguồn gốc đất của nhà ông Nh hiện nay là của bố ông là cụ Đ Văn Đậu; gia đình ông còn hợp đồng thuê đất xây dựng khu kháng sinh do Ủy ban hành chính xã M Khai (nay là phường MN) và Hợp tác xã MB lúc đó xác nhận;ông không biết tại sao xã lại cấp cho ông Nh và các hộ khác. Ranh giới giữa đất của bố ông và đất của ông Kh trước đây là hàng rào 03 cây bồ kết hiện nay đã không còn. Ranh giới hiện tại giữa nhà ông Kh và ông Nh là bức tường rào xây bằng gạch do ông Nh xây, cụ thể xây khi nào thì ông không rõ.

Ngày 04/6/2021, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã lập biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ với sự có mặt của các bên đương sự;người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn;người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Lê Văn Nh, người làm chứng đều thừa nhận:

Trên đất nhà ông Kh có: 01 nhà 3 gian lợp ngói, sân lát gạch đỏ và một số cây cối lâm lộc.

Trên đất nhà ông Nh có: 01 nhà 3 tầng, khung sắt thép, đổ bê tông, nhà xây giáp ranh hộ ông Kh; 01 kho chứa hàng lợp tôn lạnh, 01 sân gạch đỏ rộng khoảng 13m², 01 sân đổ bê tông rộng khoảng 65m².

Xung quanh: 01 tường xây gạch chín (đỏ) tường 10 giáp nhà ông Hiên; 01 tường xây gạch chín (đỏ) tường 20 giáp nhà ông S2; 01 tường xây gạch chín (đỏ) tường 10 và 01 cổng sắt. Toàn bộ khuôn viên nhà ông Nh đã xây tường rào.

Tổng diện tích đất gia đình ông Kh (tức H) đang quản lý, sử dụng là 1619,3m²và tổng diện tích đất gia đình ông Nh do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nh đang quản lý, sử dụng là 382,7m² theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất hộ ông Kh và ông Nh kèm theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2021.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ này những người có mặt đều xác định ranh giới, mốc giới giữa gia đình ông Kh (tức H) và gia đình ông Nh đúng với ranh giới, mốc giới khi ông Nh được giao đất và gia đình ông Nh xây dựng ngôi nhà 03 tầng năm 2001 nằm trên nền móng của ngôi nhà 03 gian mua của ông bà Xuân Thái.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 04/6/2021: nguyên đơn không đưa ra giá, bị đơn đề nghị định giá theo giá Nhà nước. Hội đồng định giá xác định giá: đất ở: 2.700.000đ/m²; đất vườn: 101.400đ/m²

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 166, Điều 202, Điều 203 Luật đất đai; Điều 26, khoản 2 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí L phí toà án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ Duy Kh (Tên gọi khác: Đ Đức H) đòi ông Lê Văn Nh do những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm bà Đ Thị Kim M, anh Lê Quang V, anh Lê Anh Đ, chị Lê Thị Hoà, chị Lê Thị T1, chị Lê Thị Bích M phải trả lại 382,5m² và phải tự tháo dỡ các tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho gia đình ông. Địa chỉ thửa đất ở Đội 6, khu Hoà Phong, phường MN, thành phố VT, tỉnh Phú Thọ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/7/2021, nguyên đơn là ông Đ Duy Kh có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn trả lại cho nguyên đơn diện tích 110,7m² đất.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Những nhân chứng có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến của các đương sự tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để quyết định không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của ông Đ Duy Kh trong thời hạn luật định và hợp L nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Đơn khởi kiện ban đầu ông Đ Duy Kh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc gia đình ông Lê Văn Nh phải trả lại 199,79m² đất do gia đình ông Nh lấn chiếm theo Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ Duy Kh thay đổi nội dung khởi kiện yêu cầu gia đình ông Nh phải trả toàn bộ diện tích đất 382,5m². Hội đồng xét xử thấy việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của ông Đ Duy Kh là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đ Duy Kh là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của các đương sự, những người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở khẳng định nguồn gốc thửa đất của gia đình ông Nh đang sử dụng là của cụ Đ Văn Đậu được nhập vào Hợp tác xã MN từ năm 1960. Đến năm 1964, nhà máy kháng sinh và Công ty ăn uống sơ tán về đây mượn đất để sử dụng, hết sơ tán chiến tranh thì chuyển đi (BL 455). Trên đất còn lại một ngôi nhà cấp 4 của Công ty ăn uống thời kỳ sơ tán, sau khi Công ty ăn uống chuyển đi thì vợ chồng ông bà Xuân Thái sử dụng. Năm 1984, gia đình ông Nh đã mua lại 3 gian nhà cấp 4 của ông bà Xuân Thái bằng việc đổi vật liệu gạch, ngói, gỗ và giữ nguyên 3 gian nhà này sử dụng làm nhà ở. Ngày 16/8/1984, UBND thành phố VT ban hành Quyết định số 127/QĐ-UBND cấp cho gia đình ông Nh 250m² đất thổ cư, được UBND xã MN giao đất ngày 30/01/1984 vị trí cụ thể: Phía Đông giáp nhà trẻ Hoà Phong; phía Tây giáp nhà ông H; phía Bắc giáp đường đi vào xóm; phía Nam giáp nhà ông Hậu. Thửa đất có chiều dài là 19m, chiều rộng là 13m, diện tích 250m² tại Đội 6, thôn Rôm, khu HPhong, xã MN, VT. Quá trình sử dụng đất, ông Nh có xây trên đất một ngôi nhà cấp 4 để ở; đến năm 2001, ông Nh dỡ ngôi nhà cấp 4 xây nhà mới 3 tầng sử dụng đến nay.

Như vậy, ông Kh cho rằng nguồn gốc toàn bộ diện tích đất 382,7m² gia đình ông Nh đang sử dụng là của gia đình ông cho Công ty kháng sinh và Công ty ăn uống mượn đất từ những năm 1960 là không có cơ sở chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ Văn Ty là con của cụ Đ Văn Đậu đã xuất trình Hợp đồng thuê đất xây dựng khu vực cơ quan của Ban kiến thiết nhà

máy thuốc kháng sinh VT ngày 05/8/1964; trong đó thể hiện có diện tích đất đang tranh chấp (BL455).

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông Đ Duy Kh:

Đơn khởi kiện năm 2015, ông Đ Duy Kh căn cứ vào Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú; Đơn xin đổi đất năm 1983 của ông Kh; bản đồ năm 1959 để cho rằng gia đình ông Nh lấn chiếm đất và khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Nh phải trả 199,79m². Quá trình giải quyết vụ án, ông Kh thay đổi yêu cầu khởi kiện đòi gia đình ông Nh phải trả toàn bộ diện tích đất 382,5m². Tuy nhiên tại đơn kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Kh lại yêu cầu Tòa án buộc gia đình ông Nh phải trả 110,7m² là diện tích đất gia đình ông còn thiếu so với bản đồ đo năm 1997. Như phân tích tại mục [2.1] nêu trên, nguồn gốc diện tích đất tranh chấp không phải là của gia đình ông Kh; do đó, yêu cầu khởi kiện buộc gia đình ông Nh trả lại đất đang sử dụng là không có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của ông Kh, Hội đồng xét xử thấy: Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 04/6/2021, ông Kh; người đại diện theo ủy quyền của ông Kh; đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nh; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cùng một số người làm chứng gồm ông Hồ VL, Nguyễn M Khang, Nguyễn M H, Nguyễn Xuân T2 và đại diện chính quyền phường MN, cán bộ địa chính, cán bộ tư pháp và trưởng khu dân cư chứng kiến việc xem xét, thẩm định tại chỗ cùng những người làm chứng tại thời điểm giao đất cho ông Nh đều xác định mốc giới, ranh giới giữa đất nhà ông Kh và ông Nh được xác lập từ khi gia đình ông Nh được giao đất năm 1984 và được xác định lại năm 1994 cho đến nay không có thay đổi gì. Gia đình ông Nh đã xây dựng ngôi nhà 03 tầng trên nền móng ngôi nhà bếp của cửa hàng ăn uống do ông bà Xuân Thái bán lại cho gia đình ông Nh. Ranh giới, mốc giới giữa đất nhà ông Kh và ông Nh là bờ tường rào do gia đình ông Nh xây dựng từ năm 1994. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Kh khẳng định không có tranh chấp về mốc giới, ranh giới thửa đất. Do đó, ông Kh cho rằng gia đình ông Nh lấn chiếm đất của gia đình ông là không có cơ sở chấp nhận.

Tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/8/1984, UBND thành phố VT cấp cho gia đình ông Nh 250m² đất thổ cư. Tuy nhiên, đo đạc hiện trạng thực tế sử dụng đất gia đình ông Nh là 382,7m². Theo lời khai của các đương sự và những người làm chứng thì giữa đất của ông Nh và đất của ông Kh (H) còn một phần đất hình tam giác khoảng 80m²; năm 1990, đã xảy ra tranh chấp, đến năm 1994 Thanh tra thành phố VT đã cùng chính quyền địa phương giải quyết phân định ranh giới, diện tích đất thừa này được giao lại cho ông Kh (H)

sử dụng, sau đó hai bên gia đình đã xây tường gạch xi sử dụng ổn định từ đó đến nay. Điều này các đương sự gồm ông Kh (H), anh V, những người làm chứng đã từng công tác ở xã, những người trực tiếp cắm mốc giới và bàn giao đất cho gia đình ông Nh tại thời điểm đó gồm ông Lập, ông Khang, ông Ty, ông Thụy, ông H... (BL 726-730 và 784-790) đều xác nhận là đúng. Phía trước thửa đất của ông Nh giáp đường làng thực tế còn diện tích đất trống (khoảng trên 50m²) sau khi đường làng đổ bê tông thì gia đình ông Nh xây tường giáp đường để sử dụng làm sân vườn. Ngoài ra, ông Nh có sử dụng một phần đất của nhà trẻ HP làm lối đi vào ngôi nhà cấp 4. Ngày 03/3/1991, UBND xã MN quyết định tách xóm M H thành xóm MB và HP (nhà trẻ HP trở thành hội trường của xóm MB) Ban kiến thiết của xã MN báo cáo UBND xã MN nhất trí để cho ông Hiên đấu thầu xây dựng hội trường của xóm tại địa điểm khác và giao phần đất của nhà trẻ cũ cho gia đình ông Hiên sử dụng. Tại bản xác nhận nguyên nhân thổ cư của gia đình ông Nh dư thừa lập ngày 14/4/1992 của Ban kiến thiết xã MN có nội dung: *“...Do thực tế giáp ranh phía đất gia đình ông Nh thì công gia đình ông Nh vào đất của nhà trẻ, nếu thu lại thì gia đình ông Nh không có lối đi nên Ban kiến thiết thống nhất vẫn để nguyên cho gia đình ông Nh làm lối đi và ổn định cho đến nay với kích thước chiều rộng phía trên đường làng là 3m, chiều rộng phía dưới là 2,8m, chiều dài là 20, tổng diện tích khoảng 60m². Ban kiến thiết nhất trí báo cáo UBND xã giao cho gia đình ông Nh lấy công đi”*.

Như vậy, đất của gia đình ông Nh tăng so với diện tích được cấp theo Quyết định số 127/QĐ-UB ngày 06/8/1984 của UBND thành phố VT là có căn cứ, nguồn gốc rõ ràng. Ngày 04/6/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc lại toàn bộ diện tích đất của gia đình ông Kh và gia đình ông Nh có sự chứng kiến của các đương sự, hộ giáp ranh, người làm chứng, đại diện chính quyền địa phương, công chức địa chính phường, khu dân cư. Theo kết quả đo đạc thể hiện đất của gia đình ông Nh hiện nay là 382,7m², tăng thêm 132,7m² so với diện tích được cấp năm 1984 là do gia đình ông Nh sử dụng một phần diện tích đất nhà trẻ HP cũ và phần đất trống phía đường làng do Nhà nước quản lý, diện tích tăng thêm như vậy là phù hợp với hai phần đất nêu trên.

Việc ông Kh căn cứ vào Quyết định số 177/QĐ-UB ngày 28/01/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phú; Đơn xin đổi đất năm 1983 của ông Kh; bản đồ năm 1959 để cho rằng gia đình ông Nh lấn chiếm đất; Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình triển khai thi hành Quyết định số 177/QĐ-UB, UBND xã MN có Báo cáo số 04/BC-UB ngày 01/4/2004 và UBND thành phố VT ban hành Công văn số 366/CV-UB ngày 13/4/2004, Công văn số 1401/UBND-TTr

ngày 30/7/2009 đều đề nghị UBND tỉnh Phú Thọ “*Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất của hai hộ trên cơ sở hợp thức quyền sử dụng đất ở cho gia đình ông Nh...*”. Mặt khác, phần quyết định buộc ông Nh trả lại cho ông Kh (H) 199,79m² đất tại Quyết định số 177/QĐ - UB ngày 28/1/1995 cũng đã bị hủy bởi Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2013/HC-ST ngày 13/12/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ; Bản án này không bị kháng cáo, không bị kháng nghị hiện có hiệu lực pháp luật. Việc ông Kh cung cấp Đơn xin đổi đất có bút phê của Chủ tịch UBND xã MN ngày 20/01/1983 cho rằng đã đổi 7 thước đất từ khu Thông Đậu về diện tích đất gia đình ông Nh đang sử dụng. Tuy nhiên, đây không phải quyết định giao đất của cấp có thẩm quyền. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, ông Kh thừa nhận chưa được bàn giao đất trên thực tế, diện tích đất tại khu Thông Đậu hiện nay ông vẫn đang sử dụng. Ông Kh cho rằng gia đình nhà ông Nh được cấp đất theo Quyết định số 127/QĐ-UB là ở đồi Rôm, còn đất gia đình ông Nh đang sử dụng hiện nay là đất của gia đình ông thuộc đồi Ngược và căn cứ vào các bản đồ 1959, 1997 cho rằng ông Nh lấn chiếm đất của gia đình ông. Tuy nhiên, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nh khẳng định không có diện tích đất nào ở đồi Rôm. Trong biên bản giao đất năm 1984 cho gia đình ông Nh đã thể hiện tứ cận rõ ràng của thửa đất là diện tích đất đang tranh chấp. Theo bản đồ đo vẽ 299 diện tích đất gia đình ông Kh (H) là 1.476m², gia đình nhà ông Nh là 340m². Đến năm 1997 bản đồ và sổ mục kê thể hiện diện tích đất gia đình ông Kh (H) là 1.730m², gia đình nhà ông Nh là 381m² và theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất bằng máy xác định diện tích đất gia đình ông Kh (H) là 1.619,3 m², gia đình nhà ông Nh là 382,7m². Việc thay đổi diện tích các thửa đất qua các năm là do sai số đo đạc qua các thời kỳ, còn ranh giới, mốc giới của các thửa đất được các đương sự khẳng định không có thay đổi gì từ khi sử dụng đất đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu đòi đất của ông Kh (H).

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Kh không xuất trình được T2 tiết hoặc tài liệu, chứng cứ mới. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đ Duy Kh. Đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc không chấp nhận kháng cáo của ông Đ Duy Kh là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do ông Đ Duy Kh là người cao tuổi thuộc diện được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa

án nên Hội đồng xét xử quyết định ông Đ Duy Kh được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là ông Đào Duy Kh và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2021/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Đào Duy Kh được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thúy Bình

CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng Nguyễn Văn Cường Lê Thị Thúy Bình